

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **12/2022/HNGĐ-ST**
Ngày 16-02-2022
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Minh Út

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hải Hưng

Ông Châu Hoàng Huy

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Lụa là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 16 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 196/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Kiều H, sinh năm 1989 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp 1, xã A, huyện M, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Trọng Q, sinh năm 1985 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp 9, xã P, huyện M, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28-6-2021 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Kiều H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Kiều H và anh Nguyễn Trọng Q tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện M, tỉnh Cà Mau ngày 11-3-2015. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong sinh hoạt hằng ngày, anh Q không quan tâm, chăm sóc cho vợ và con; mâu thuẫn không thể hàn gắn và đã ly thân khoảng tháng 6 năm 2019 cho đến nay. Nay chị H yêu cầu ly hôn với anh Q.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Nguyễn Lê Thiên K (nữ), sinh

ngày 17-01-2018, hiện nay, chị H đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị H yêu cầu tiếp tục nuôi con, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Kiều H xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Trọng Q trình bày: Về thời điểm xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống là đúng như nguyên đơn trình bày. Tuy nhiên, anh Q xác định thời gian ly thân từ tháng 12 năm 2020 cho đến nay và trong thời gian chị H bệnh, anh Q có đến thăm nom vợ và con. Trường hợp nếu chị H quyết tâm ly hôn thì anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh Q đồng ý giao con chung Nguyễn Lê Thiên K cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Trọng Q xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Kiều H và anh Nguyễn Trọng Q tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện M, tỉnh Cà Mau ngày 11-3-2015 đúng theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh Q được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp và bảo vệ.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của Lê Kiều H, thấy rằng: Chị H xác định vợ chồng đã ly thân khoảng tháng 6 năm 2019 cho đến nay; hiện nay chị H không còn tình cảm yêu thương anh Q và thể hiện sự quyết tâm mong muốn được ly hôn. Đồng thời, chị H khẳng định đời sống hôn nhân không thể duy trì, mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể hàn gắn đoàn tụ. Trường hợp tiếp tục chung sống sẽ không mang lại H phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị H được ly hôn với anh Q.

[3] Về nuôi con chung: Tại phiên tòa, chị H và anh Q thống nhất thỏa thuận giao con chung cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là trên tinh thần tự nguyện, không trái với quy định pháp luật và đạo đức xã hội; hiện nay điều kiện thu nhập và chỗ ở của chị H đảm bảo nuôi dưỡng con chung nên sự thỏa thuận nuôi con của các đương sự được chấp nhận. Anh Q không trực tiếp nuôi con có Q, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị H và anh Q không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[4] Tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Kiều H và anh Nguyễn Trọng Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Chị Lê Kiều H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp

nhận yêu cầu của chị H, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Trong quá trình diễn ra phiên tòa đến khi kết thúc tranh luận tại phiên tòa, anh Q có mặt và xin vắng mặt khi Tòa án tuyên án nên anh Q có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 9, 51, 56, 81 và 82 của Luật hôn nhân và gia đình; Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Kiều H ly hôn với anh Nguyễn Trọng Q.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Nguyễn Lê Thiên K (nữ), sinh ngày 17-01-2018, cho chị Lê Kiều H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Nguyễn Trọng Q không trực tiếp nuôi con có Q, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Kiều H và anh Nguyễn Trọng Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí sơ thẩm: Chị Lê Kiều H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Ngày 12 tháng 10 năm 2021, chị H đã dự nộp án phí 300.000 đồng tại biên lai số 0010052 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Lê Kiều H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Trọng Q có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- UBND xã A, huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Dương Minh Út